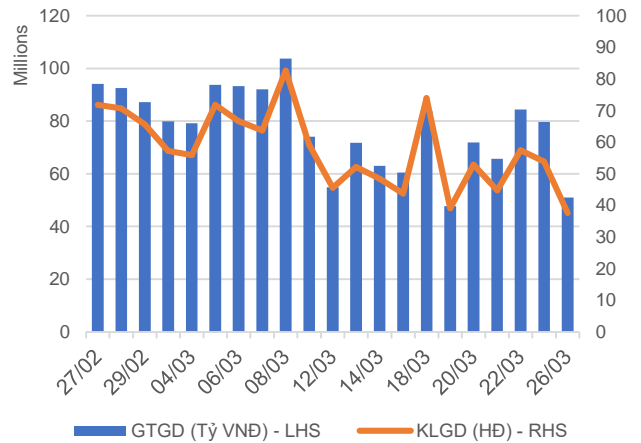


**Thanh khoản quay trở lại mức thấp**

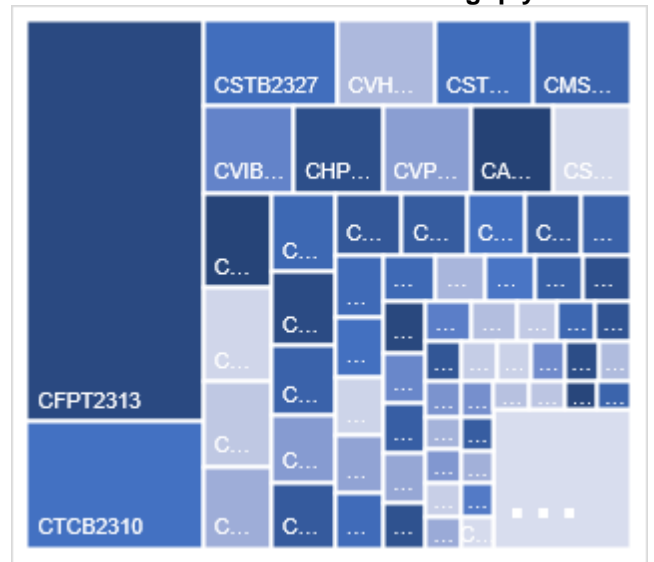
26/03/2024

Thị trường cơ sở hồi phục tích cực trong phiên giao dịch hôm nay và các cổ phiếu cơ sở trong nhóm VN30 cũng đồng loạt tăng điểm. Tuy vậy, thanh khoản của thị trường chứng quyền chỉ ở mức thấp cho thấy NĐT vẫn có tâm lý thận trọng với xu hướng ngắn hạn của thị trường cơ sở. Các chứng quyền của FPT, STB là những mã được giao dịch tích cực nhất. Chúng tôi cho rằng NĐT có thể mua vào với tỷ trọng thấp để thăm dò, ưu tiên các chứng quyền của các cổ phiếu cơ sở đang có xu hướng ngắn hạn tích cực.

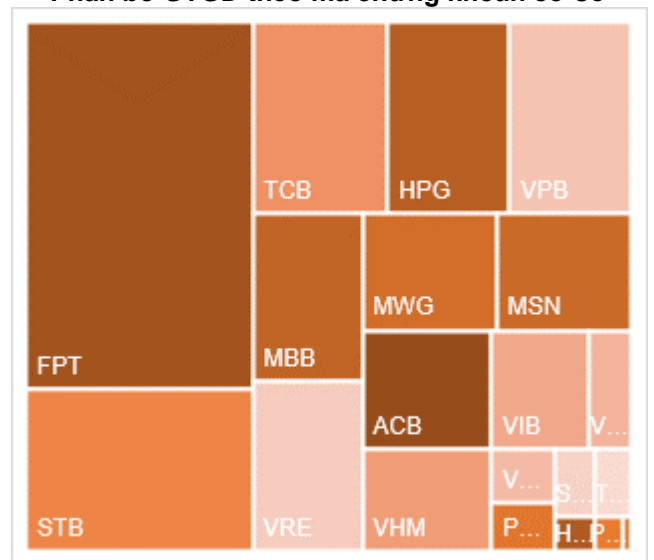
**Giá trị giao dịch và Khối lượng giao dịch**



**Phân bố GTGD theo mã chứng quyền**



**Phân bố GTGD theo mã chứng khoán cơ sở**



Nguồn: YSVN

**KẾT QUẢ GIAO DỊCH TRONG PHIÊN VÀ CÁC CHỈ SỐ LIÊN QUAN**

Mã	Thay đổi(+/-%)	Đóng cửa	KLGD (Hợp đồng)	GTGD (tỷ VNĐ)	Trạng thái tiền	Premium	Đòn bẩy	Số phiên còn lại	Độ biến động ngầm định
CACB2304	0.0%	2210	438,900	0.95	ITM	7.7%		183	51%
CACB2305	5.1%	1030	893,500	0.868	ITM	9.7%		197	51%
CACB2306	1.4%	2200	98,200	0.216	ITM	4.0%		118	51%
CACB2307	2.6%	790	200	0	ITM	8.1%		148	46%
CACB2401	0.0%	1830	800	0.001	ITM	4.2%		85	40%
CFPT2305	2.9%	4980	600	0.002	ITM	1.7%	2.33	22	180%
CFPT2309	4.3%	4570	26,600	0.118	ITM	1.5%	3.17	41	88%
CFPT2310	3.1%	4320	68,600	0.292	ITM	3.6%	3.26	132	55%
CFPT2313	6.6%	2250	4,502,300	9.461	ITM	7.0%	4.22	136	50%
CFPT2314	3.2%	2890	226,100	0.628	ITM	12.6%	3.12	289	50%
CFPT2315	-2.8%	4880	2,800	0.013	ITM	4.0%	2.93	29	154%
CFPT2316	0.3%	3560	53,600	0.187	ITM	2.7%	3.17	118	55%
CFPT2317	3.0%	1740	800	0.001	ITM	11.0%	3.43	240	48%
CFPT2318	4.7%	2680	144,200	0.367	ITM	5.2%	4.59	111	48%
CHDB2306	11.7%	1720	111,900	0.178	ITM	12.1%	3.18	92	98%
CHPG2309	1.3%	2320	454,300	1.023	ITM	3.2%	4.15	59	68%
CHPG2315	-7.3%	1530	200	0	ITM	13.0%	3.58	90	85%
CHPG2316	4.6%	1360	200	0	ITM	14.4%	3.57	181	56%
CHPG2319	5.0%	840	3,400	0.002	OTM	11.6%	4.95	92	55%
CHPG2321	0.0%	1970	4,900	0.009	ITM	1.4%	5.05	22	80%
CHPG2322	56.1%	2920	100	0	ATM	19.5%	2.93	113	86%
CHPG2326	3.4%	900	332,000	0.294	ITM	3.7%	6.78	41	55%
CHPG2328	3.5%	1460	17,300	0.024	ITM	4.7%	7.34	41	53%
CHPG2329	4.9%	1930	136,800	0.255	ITM	9.5%	4.97	132	44%
CHPG2331	3.3%	950	210,500	0.193	ITM	12.3%	3.65	197	51%
CHPG2332	1.1%	960	202,500	0.193	ITM	14.2%	3.49	230	50%
CHPG2333	3.2%	980	586,700	0.558	ITM	16.3%	3.31	258	50%
CHPG2334	2.7%	760	641,400	0.471	ITM	18.6%	3.12	289	51%
CHPG2336	7.4%	870	2,000	0.001	ITM	5.3%	6.53	41	63%
CHPG2337	1.0%	1000	2,700	0.002	ITM	12.2%	4.43	101	59%
CHPG2338	0.0%	1350	-	0	ITM	18.0%	3.28	195	59%
CHPG2339	0.0%	3770	-	0	OTM	25.9%	2.39	286	69%
CHPG2340	0.0%	2220	-	0	ITM	5.5%	4.41	29	120%
CHPG2341	0.0%	1650	-	0	ATM	11.0%	5.18	118	46%
CHPG2342	0.0%	950	66,400	0.062	ITM	11.7%	2.70	240	65%
CHPG2343	10.2%	1400	11,100	0.014	ITM	7.3%	5.14	80	55%
CHPG2401	0.0%	790	100	0	OTM	11.2%	6.08	85	47%
CMBB2306	5.5%	4990	116,400	0.565	ITM	5.3%	2.85	59	117%
CMBB2309	6.7%	1600	345,300	0.536	ITM	5.2%	3.74	41	113%
CMBB2311	7.5%	3170	48,400	0.145	ITM	4.9%	3.78	41	110%
CMBB2312	3.9%	3220	91,600	0.283	ITM	7.4%	3.39	132	66%
CMBB2314	6.8%	1580	194,600	0.294	ITM	9.0%	3.34	136	69%
CMBB2315	6.1%	1910	221,300	0.407	ITM	14.5%	2.61	289	63%
CMBB2316	6.0%	890	31,900	0.027	ITM	11.4%	2.71	41	199%
CMBB2317	-0.8%	1230	5,600	0.006	ITM	8.3%	3.41	148	62%
CMBB2318	2.6%	1980	54,600	0.107	ITM	7.3%	2.85	181	66%
CMBB2401	-6.3%	2690	37,400	0.1	ITM	5.1%	4.11	85	63%
CMSN2302	2.1%	1950	303,200	0.593	ITM	0.5%	5.93	59	0%
CMSN2307	-1.7%	570	86,500	0.047	OTM	14.7%	5.44	92	50%
CMSN2311	4.3%	720	175,400	0.118	OTM	21.9%	4.33	132	51%
CMSN2313	-5.8%	970	1,129,800	1.115	OTM	16.0%	4.30	197	44%
CMSN2315	-11.1%	400	469,900	0.143	OTM	11.3%	6.47	41	59%
CMSN2316	-1.8%	1070	57,000	0.058	OTM	22.5%	3.33	195	56%
CMSN2317	-7.2%	1670	3,400	0.005	OTM	29.7%	2.67	286	58%
CMWG2305	0.3%	3410	63,300	0.211	ITM	2.4%	3.50	59	73%
CMWG2309	-8.6%	320	299,700	0.08	OTM	15.8%	5.73	41	58%
CMWG2310	-9.0%	810	2,200	0.001	OTM	22.0%	4.17	132	54%

CMWG2312	-2.9%	340	400	0	OTM	18.8%	3.79	30	64%
CMWG2313	-2.1%	930	741,100	0.672	OTM	15.8%	4.35	136	52%
CMWG2314	-1.2%	820	413,000	0.328	OTM	25.4%	3.03	289	53%
CMWG2315	0.0%	230	88,300	0.018	OTM	11.4%	5.00	41	80%
CMWG2316	6.4%	1000	825,800	0.771	ATM	12.5%	4.65	150	46%
CMWG2317	-23.4%	590	100	0	OTM	11.5%	5.11	29	83%
CMWG2318	0.6%	1730	12,400	0.021	ITM	9.1%	3.67	118	66%
CNVL2305	4.9%	1290	26,900	0.035	OTM	33.9%	1.41	92	164%
CPDR2305	2.3%	3120	125,900	0.397	ITM	13.7%		92	156%
CPOW2306	-10.0%	90	1,900	0	OTM	41.9%		92	53%
CPOW2308	0.0%	80	10,000	0	OTM	8.8%		22	59%
CPOW2309	0.0%	100	25,300	0.002	OTM	28.9%		52	59%
CPOW2313	-4.2%	460	104,800	0.046	OTM	21.1%		101	60%
CPOW2314	-7.8%	710	100,100	0.071	OTM	27.5%		195	59%
CPOW2315	-1.0%	950	5,100	0.004	OTM	34.7%		286	62%
CSHB2302	2.4%	430	404,700	0.161	OTM	13.3%		41	77%
CSHB2303	0.0%	750	-	0	OTM	22.0%		100	78%
CSHB2304	0.0%	370	29,500	0.01	OTM	19.1%		101	82%
CSHB2305	2.4%	430	194,200	0.081	OTM	29.6%		195	76%
CSHB2306	0.0%	1320	77,600	0.1	OTM	35.8%		286	76%
CSTB2306	4.9%	1290	283,900	0.349	ITM	4.6%	7.76	59	38%
CSTB2312	2.3%	450	35,500	0.015	OTM	14.2%	5.89	90	49%
CSTB2313	0.0%	630	-	0	OTM	24.3%	3.99	181	52%
CSTB2316	-3.6%	270	34,500	0.008	OTM	21.0%	6.24	92	48%
CSTB2318	0.0%	650	20,400	0.012	OTM	11.1%	5.70	52	63%
CSTB2319	7.8%	550	29,600	0.014	ITM	2.6%	5.95	22	83%
CSTB2322	1.8%	580	1,984,900	1.116	ITM	3.8%	8.78	41	40%
CSTB2324	11.5%	580	16,300	0.008	ITM	7.0%	7.47	41	54%
CSTB2325	-10.2%	970	400	0	OTM	13.6%	4.48	132	52%
CSTB2326	-31.3%	570	100	0	OTM	9.6%	9.12	30	53%
CSTB2327	-1.9%	530	2,973,900	1.528	OTM	12.9%	5.23	136	44%
CSTB2328	1.7%	590	843,600	0.485	OTM	21.1%	3.63	289	45%
CSTB2330	0.0%	220	115,900	0.031	OTM	12.0%	9.92	41	47%
CSTB2331	-2.6%	370	852,700	0.303	OTM	18.3%	5.87	101	48%
CSTB2333	0.0%	2440	-	0	OTM	31.6%	2.85	286	57%
CSTB2334	-0.4%	2440	500	0.001	ITM	10.2%	3.31	150	63%
CSTB2335	-18.8%	950	100	0	ITM	8.7%	6.04	29	81%
CSTB2336	-28.8%	520	11,100	0.006	ITM	7.9%	6.73	56	52%
CSTB2337	3.5%	1170	73,000	0.082	ITM	13.0%	2.89	240	58%
CSTB2338	3.7%	1400	683,000	0.902	ITM	6.6%	5.22	80	51%
CSTB2401	0.0%	1000	-	0	ITM	9.1%	5.93	85	47%
CTCB2302	8.5%	6380	59,500	0.37	ITM	9.1%	2.21	59	180%
CTCB2306	13.3%	3570	12,900	0.044	ITM	9.4%	2.95	41	170%
CTCB2307	8.4%	3470	300	0	ITM	13.2%	2.71	132	99%
CTCB2309	3.7%	4210	3,100	0.013	ITM	12.6%	2.80	183	75%
CTCB2310	7.0%	1690	1,804,700	2.99	ITM	14.7%	2.61	197	81%
CTCB2311	3.0%	5140	100	0	ITM	12.1%	2.74	29	237%
CTCB2312	7.0%	4720	4,900	0.022	ITM	10.5%	2.80	111	102%
CTCB2401	0.0%	5500	-	0	ITM	6.4%	3.56	85	79%
CTPB2304	2.4%	430	123,200	0.052	OTM	10.8%		41	77%
CTPB2305	4.8%	650	149,700	0.096	OTM	17.9%		101	73%
CTPB2306	1.6%	1850	20,400	0.037	OTM	26.8%		195	75%
CTPB2401	0.9%	1090	128,100	0.139	ITM	11.2%		85	58%
CVHM2302	11.1%	500	623,500	0.303	OTM	22.4%	2.79	59	65%
CVHM2307	0.0%	160	300	0	OTM	50.5%	0.45	92	70%
CVHM2311	3.0%	340	58,200	0.02	OTM	46.4%	1.34	132	61%
CVHM2312	-6.7%	140	38,400	0.004	OTM	33.4%	0.39	41	73%
CVHM2313	2.0%	510	287,000	0.142	OTM	29.6%	2.75	197	59%
CVHM2315	-3.8%	250	4,500	0.001	OTM	24.4%	1.14	41	86%
CVHM2316	-7.9%	350	57,200	0.02	OTM	27.1%	2.71	101	62%
CVHM2317	-1.7%	570	196,200	0.104	OTM	33.9%	2.43	195	61%
CVHM2318	1.7%	1220	935,600	1.12	OTM	40.1%	2.12	286	61%

CVHM2319	0.0%	260	1,600	0	OTM	25.4%	0.50	29	89%
CVHM2401	0.8%	1320	27,800	0.036	OTM	13.6%	4.27	85	66%
CVIB2302	9.7%	3630	74,800	0.255	ITM	3.8%		59	77%
CVIB2304	7.0%	1530	727,000	1.05	ITM	7.6%		136	63%
CVIB2305	4.3%	980	119,300	0.113	ITM	14.8%		289	52%
CVIB2306	4.6%	4300	16,200	0.067	ITM	5.4%		150	70%
CVIB2307	-13.4%	1550	5,300	0.008	ITM	15.3%		148	82%
CVIB2401	4.4%	2350	23,700	0.054	ITM	5.8%		85	60%
CVIC2306	-43.3%	340	5,200	0.001	OTM	39.7%	0.69	92	77%
CVIC2308	2.0%	500	180,400	0.089	OTM	18.3%	3.92	136	54%
CVIC2309	3.7%	560	533,100	0.287	OTM	23.9%	3.28	197	53%
CVIC2312	2.3%	450	415,800	0.172	OTM	22.2%	2.93	101	67%
CVIC2313	1.4%	700	151,500	0.099	OTM	30.0%	2.30	195	68%
CVIC2314	2.0%	2000	8,900	0.017	OTM	38.9%	1.76	286	75%
CVNM2306	3.8%	540	167,000	0.09	OTM	13.0%	5.56	92	47%
CVNM2308	0.0%	600	29,600	0.017	ITM	6.4%	8.15	41	50%
CVNM2310	2.4%	420	459,400	0.18	OTM	21.3%	4.52	136	45%
CVNM2311	3.1%	670	227,700	0.152	OTM	24.9%	4.11	289	39%
CVNM2313	0.0%	150	4,400	0	OTM	23.2%	1.26	41	64%
CVNM2314	6.2%	690	6,100	0.004	OTM	33.2%	2.59	195	53%
CVNM2315	2.4%	2150	8,000	0.016	OTM	#####	0.00	286	500%
CVNM2316	1.1%	960	1,000	0	ITM	7.5%	5.89	29	97%
CVPB2305	27.1%	890	196,700	0.165	ITM	5.6%	6.04	22	100%
CVPB2309	15.4%	150	731,300	0.101	OTM	18.1%	5.71	41	61%
CVPB2311	33.3%	720	249,700	0.16	OTM	12.1%	5.50	41	71%
CVPB2312	30.0%	1040	583,900	0.568	OTM	18.0%	4.36	132	54%
CVPB2314	22.7%	270	3,999,000	1.012	OTM	28.2%	4.90	136	50%
CVPB2315	13.8%	330	1,128,000	0.36	OTM	35.3%	3.71	289	48%
CVPB2316	50.0%	120	148,300	0.014	OTM	22.9%	3.36	41	71%
CVPB2317	3.4%	300	21,900	0.006	OTM	28.8%	3.59	101	62%
CVPB2318	-22.5%	550	492,900	0.253	OTM	36.8%	2.69	195	65%
CVPB2319	10.2%	1830	58,000	0.104	OTM	47.1%	1.85	286	76%
CVPB2320	12.5%	450	16,300	0.006	OTM	19.3%	2.49	29	104%
CVPB2321	3.9%	530	308,900	0.159	ITM	16.4%	3.19	148	70%
CVPB2322	3.4%	600	306,800	0.181	OTM	20.1%	3.85	181	53%
CVRE2303	3.8%	810	351,100	0.278	ITM	4.1%	7.36	59	38%
CVRE2308	2.9%	350	2,400	0	OTM	25.6%	3.54	92	64%
CVRE2312	-3.3%	290	510,200	0.154	OTM	8.8%	9.29	41	47%
CVRE2313	-1.8%	540	187,300	0.098	OTM	20.2%	4.72	132	51%
CVRE2315	0.0%	330	2,416,900	0.747	OTM	23.9%	4.15	197	48%
CVRE2317	-13.0%	200	15,400	0.002	OTM	16.9%	5.82	41	59%
CVRE2318	0.0%	370	381,100	0.132	OTM	23.3%	4.76	101	54%
CVRE2319	0.0%	620	238,600	0.129	OTM	30.0%	3.58	195	54%
CVRE2320	0.0%	2000	-	0	OTM	37.9%	2.51	286	61%
CVRE2321	2.4%	420	50,500	0.018	OTM	16.4%	3.30	29	93%
CVRE2322	6.0%	1580	41,500	0.054	ITM	9.1%	4.04	118	58%
CVRE2323	4.0%	1040	870,100	0.852	ITM	6.0%	5.79	80	45%

Nguồn: FiinPro, YSVN

Premium = (Giá thực hiện + Giá chứng quyền x Tỷ lệ chuyển đổi) - Giá hiện tại của CKCS (Chênh lệch giữa Giá hòa vốn và giá hiện tại của CKCS).  
 Đòn bẩy (Effective gearing) càng cao thì độ biến động theo CKCS càng lớn.  
 Để hạn chế rủi ro, NĐT nên lựa chọn những Chứng quyền đang có Trạng thái tiền dương (ITM), có Tỷ lệ Premium hoặc Độ biến động ngầm định thấp.  
 Ngoài ra, NĐT cũng nên ưu tiên giao dịch các Chứng quyền có Số phiên còn lại (thời gian tới khi đáo hạn) cao (trên 02 tuần) để hạn chế rủi ro

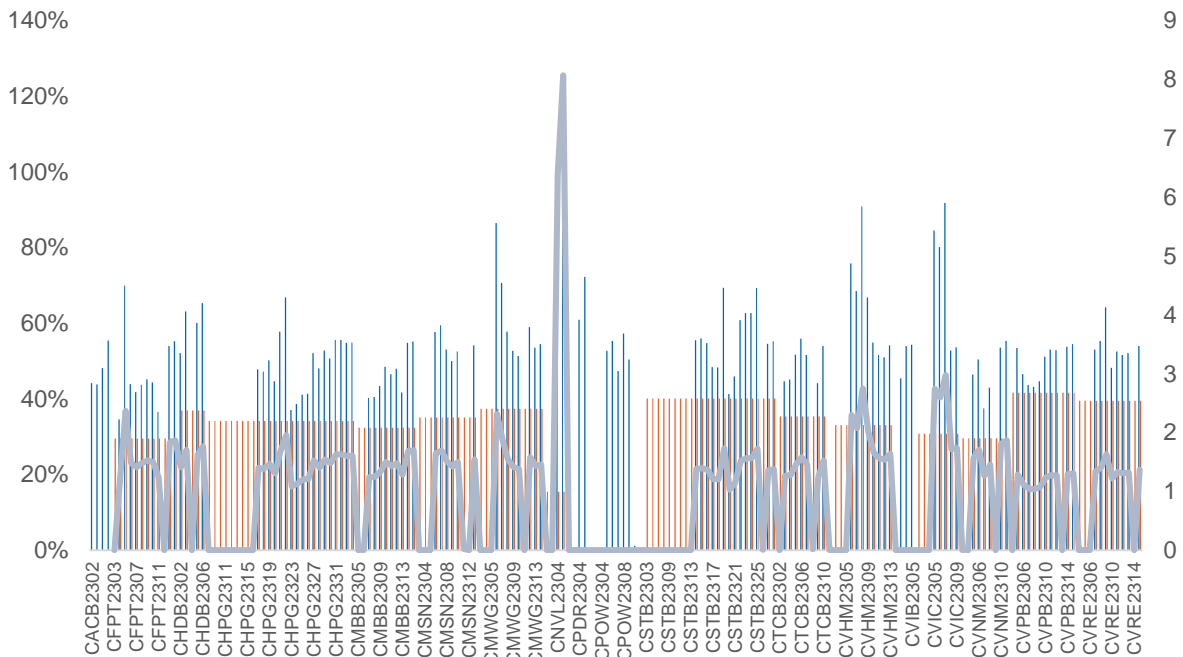


**BẢNG TỔNG HỢP KHUYẾN NGHỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU CƠ SỞ**

Mã	Giá khuyến nghị	Giá hiện tại	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức mục tiêu ngắn hạn	Upside ngắn hạn so với giá hiện tại	Mức cắt lỗ ngắn hạn	Reward/Risk
CTD		73.30	GIẢM	TĂNG			76.15	-
DPM		36.00	GIẢM	TĂNG			36.89	-
FPT	99.90	115.00	TĂNG	TĂNG	111.89	-3%	111.50	(1.03)
HDB	23.90	24.20	TĂNG	TĂNG	25.77	6%	22.60	1.44
HPG		30.55	GIẢM	TĂNG			31.00	-
MBB	24.75	25.25	TĂNG	TĂNG	27.91	11%	23.82	3.40
MSN	68.90	74.00	GIẢM	TĂNG	77.95	5%	80.03	(0.81)
MWG	49.10	48.65	TĂNG	TĂNG	55.64	14%	46.00	2.11
NVL	17.10	17.85	TĂNG	TĂNG	19.47	9%	16.80	8.02
PNJ	95.70	97.40	TĂNG	TĂNG	107.85	11%	95.94	(49.64)
REE	58.30	64.10	TĂNG	TĂNG	66.51	4%	61.48	(2.59)
STB	31.65	31.00	TĂNG	TĂNG	36.02	16%	30.60	4.16
TCB	42.30	45.95	TĂNG	TĂNG	45.77	0%	42.35	(69.88)
VHM		42.75	GIẢM	GIẢM			44.14	-
VIC	47.00	47.05	TĂNG	TĂNG	53.39	13%	44.63	2.70
VJC		101.90	GIẢM	TĂNG			104.08	-
VNM		67.70	GIẢM	GIẢM			69.74	-
VPB	19.60	19.60	TĂNG	GIẢM	22.90	17%	18.36	2.65
VRE	27.55	26.40	TĂNG	TĂNG	30.10	14%	25.40	1.18

Nguồn: YSVN

**ĐỘ BIẾN ĐỘNG NGẪM ĐỊNH CỦA CHỨNG QUYỀN VS. ĐỘ BIẾN ĐỘNG QUÁ KHỨ CỦA CKCS**



Nguồn: YSVN

(\*) Cột màu cam là Độ biến động quá khứ của cổ phiếu cơ sở; Cột màu xanh là Độ biến động ngầm định của CW; Đường trend line màu xanh là tỷ lệ Độ biến động ngầm định/Độ biến động lịch sử.

(\*) NĐT có thể sử dụng “Độ biến động ngầm định” để so sánh các chứng quyền có cùng chứng khoán cơ sở. Độ biến động ngầm định càng lớn thì kỳ vọng về mức độ biến động giá của CKCS càng cao (hay nói cách khác, Độ biến động ngầm định càng lớn thì chứng quyền càng đắt).

**THÔNG TIN CHỨNG QUYỀN**

Mã chứng quyền	TCPH	Thời hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá phát hành	Khối lượng phát hành	Giá thực hiện	Ngày giao dịch cuối cùng
CACB2304	BSI	12 tháng	3	1,490	2,000,000	23,000	23/09/2024
CACB2305	SSI	12 tháng	6	1,000	25,000,000	24,000	07/10/2024
CACB2306	VND	8 tháng	3	3,300	10,000,000	22,000	18/07/2024
CACB2307	VND	9 tháng	6	1,300	6,000,000	25,000	19/08/2024
CFPT2305	VND	10 tháng	9.8844	4,000	2,000,000	67,214	15/04/2024
CFPT2309	HCM	9 tháng	7.9075	2,000	5,000,000	80,064	03/05/2024
CFPT2310	HCM	12 tháng	7.9075	2,000	5,000,000	84,512	02/08/2024
CFPT2311	CK ACB	7 tháng	9.8844	1,200	10,000,000	86,500	14/03/2024
CFPT2312	VCI	6 tháng	4.9422	1,650	5,000,000	91,529	13/02/2024
CFPT2313	SSI	10 tháng	10	2,200	12,000,000	100,000	07/08/2024
CFPT2314	SSI	16 tháng	10	2,600	11,000,000	100,000	07/01/2025
CFPT2315	MBS	6 tháng	8	3,200	2,000,000	80,000	22/04/2024
CFPT2316	VND	8 tháng	10	3,300	10,000,000	82,000	18/07/2024
CFPT2317	VND	12 tháng	15	2,500	5,000,000	101,000	19/11/2024
CFPT2318	VPBankS	#N/A	8	2,800	#N/A	99,000	11/07/2024
CHDB2304	KISVN	9 tháng	3.4815	1,100	2,000,000	18,277	22/03/2024
CHDB2305	KISVN	8 tháng	3.4815	1,100	2,000,000	18,471	23/02/2024
CHDB2306	KISVN	12 tháng	3.4815	1,200	2,000,000	19,341	24/06/2024
CHPG2309	CK ACB	12 tháng	3	1,200	18,000,000	24,000	22/05/2024
CHPG2313	KISVN	10 tháng	4	1,100	8,000,000	23,333	28/02/2024
CHPG2314	PHS	9 tháng	2	1,500	3,000,000	21,450	27/02/2024
CHPG2315	KISVN	12 tháng	4	1,400	3,000,000	27,777	21/06/2024
CHPG2316	KISVN	16 tháng	4	1,500	3,000,000	28,888	20/09/2024
CHPG2317	KISVN	8 tháng	4	1,200	3,000,000	26,888	23/02/2024
CHPG2318	KISVN	9 tháng	4	1,200	3,000,000	29,222	22/03/2024
CHPG2319	KISVN	12 tháng	4	1,400	3,000,000	30,111	24/06/2024
CHPG2321	VND	10 tháng	3	3,400	10,000,000	24,500	15/04/2024
CHPG2322	VND	13 tháng	2	2,900	8,000,000	30,000	15/07/2024
CHPG2326	SSI	9 tháng	4	1,300	30,000,000	27,500	03/05/2024
CHPG2328	HCM	9 tháng	2	2,400	10,000,000	28,500	03/05/2024
CHPG2329	HCM	12 tháng	2	2,800	10,000,000	29,000	02/08/2024
CHPG2330	CK ACB	7 tháng	3	1,400	12,000,000	31,000	14/03/2024
CHPG2331	SSI	12 tháng	6	1,000	23,000,000	28,000	07/10/2024
CHPG2332	SSI	14 tháng	6	1,100	21,000,000	28,500	08/11/2024
CHPG2333	SSI	14 tháng	6	1,100	21,000,000	29,000	06/12/2024
CHPG2334	SSI	16 tháng	8	1,000	25,000,000	29,500	07/01/2025
CHPG2335	KISVN	4 tháng	4	1,000	8,000,000	27,111	01/02/2024
CHPG2336	KISVN	7 tháng	4	1,100	8,000,000	28,111	02/05/2024
CHPG2337	KISVN	9 tháng	4	1,300	4,000,000	29,666	03/07/2024
CHPG2338	KISVN	12 tháng	4	1,600	4,000,000	29,999	03/10/2024
CHPG2339	KISVN	15 tháng	2	4,100	3,000,000	30,222	02/01/2025
CHPG2340	MBS	6 tháng	3	1,800	3,000,000	25,000	22/04/2024
CHPG2341	VND	8 tháng	2	3,000	10,000,000	30,000	18/07/2024
CHPG2342	VND	12 tháng	10	1,300	8,000,000	24,000	19/11/2024
CHPG2343	VPBankS	#N/A	3	2,300	#N/A	28,000	12/06/2024
CMBB2306	CK ACB	12 tháng	1.6965	1,800	15,000,000	16,965	22/05/2024
CMBB2309	SSI	9 tháng	4	1,000	35,000,000	19,000	03/05/2024
CMBB2311	HCM	9 tháng	2	1,700	7,000,000	19,000	03/05/2024
CMBB2312	HCM	12 tháng	2	1,900	7,000,000	19,500	02/08/2024
CMBB2313	CK ACB	7 tháng	2	1,300	10,000,000	21,000	14/03/2024
CMBB2314	SSI	10 tháng	4	1,100	23,000,000	20,000	07/08/2024
CMBB2315	SSI	16 tháng	4	1,300	20,000,000	20,000	07/01/2025
CMBB2316	KISVN	7 tháng	10	1,000	1,700,000	17,999	02/05/2024
CMBB2317	VND	9 tháng	5	1,300	10,000,000	20,000	19/08/2024
CMBB2318	VND	10 tháng	4	2,500	5,000,000	18,000	19/09/2024
CMSN2302	CK ACB	12 tháng	6	3,300	3,000,000	66,000	22/05/2024
CMSN2305	KISVN	10 tháng	10	1,300	3,000,000	76,789	28/02/2024
CMSN2306	KISVN	8 tháng	10	1,200	2,000,000	79,999	23/02/2024
CMSN2307	KISVN	12 tháng	10	1,400	2,000,000	82,999	24/06/2024
CMSN2311	HCM	12 tháng	8	2,400	5,000,000	88,500	02/08/2024
CMSN2312	VCI	6 tháng	5	2,050	5,000,000	98,100	13/02/2024
CMSN2313	SSI	12 tháng	10	1,900	10,000,000	80,000	07/10/2024

CMSN2314	KISVN	4 tháng	10	1,000	3,000,000	78,999	01/02/2024
CMSN2315	KISVN	7 tháng	10	1,200	3,000,000	81,999	02/05/2024
CMSN2316	KISVN	12 tháng	10	2,000	3,000,000	83,979	03/10/2024
CMSN2317	KISVN	15 tháng	8	2,900	2,000,000	86,868	02/01/2025
CMWG2305	CK ACB	12 tháng	3.962	2,000	9,000,000	35,658	22/05/2024
CMWG2309	HCM	9 tháng	5	2,000	5,000,000	54,000	03/05/2024
CMWG2310	HCM	12 tháng	5	2,400	5,000,000	54,500	02/08/2024
CMWG2311	VCI	6 tháng	3	1,800	5,000,000	58,900	13/02/2024
CMWG2312	BSI	7 tháng	3	3,160	3,500,000	56,000	23/04/2024
CMWG2313	SSI	10 tháng	6	2,000	12,000,000	50,000	07/08/2024
CMWG2314	SSI	16 tháng	10	1,400	20,000,000	52,000	07/01/2025
CMWG2315	KISVN	7 tháng	20	1,000	1,300,000	48,888	02/05/2024
CMWG2316	CK ACB	11 tháng	6	1,400	10,000,000	48,000	21/08/2024
CMWG2317	MBS	6 tháng	6	1,300	2,000,000	50,000	22/04/2024
CMWG2318	VND	8 tháng	6	3,000	5,000,000	42,000	18/07/2024
CNVL2303	KISVN	9 tháng	4	1,300	3,000,000	17,333	22/03/2024
CNVL2305	KISVN	12 tháng	4	1,300	3,000,000	16,999	24/06/2024
CPDR2303	KISVN	9 tháng	4	1,300	3,000,000	19,888	22/03/2024
CPDR2305	KISVN	12 tháng	4	1,300	3,000,000	20,222	24/06/2024
CPOW2304	KISVN	9 tháng	2	1,300	2,000,000	16,333	22/03/2024
CPOW2305	KISVN	8 tháng	2	1,200	2,000,000	14,999	23/02/2024
CPOW2306	KISVN	12 tháng	2	1,400	2,000,000	15,999	24/06/2024
CPOW2308	VND	10 tháng	5	1,300	10,000,000	12,000	15/04/2024
CPOW2309	VND	11 tháng	2	2,000	5,000,000	14,500	15/05/2024
CPOW2311	VCI	6 tháng	1	1,050	5,000,000	15,500	13/02/2024
CPOW2312	KISVN	4 tháng	2	1,000	3,000,000	12,222	01/02/2024
CPOW2313	KISVN	9 tháng	2	1,300	3,000,000	12,888	03/07/2024
CPOW2314	KISVN	12 tháng	2	1,600	3,000,000	13,111	03/10/2024
CPOW2315	KISVN	15 tháng	2	1,800	3,000,000	13,456	02/01/2025
CSHB2301	KISVN	4 tháng	2	1,000	8,000,000	11,333	01/02/2024
CSHB2302	KISVN	7 tháng	2	1,000	8,000,000	11,999	02/05/2024
CSHB2303	KISVN	9 tháng	2	1,100	8,000,000	12,345	02/07/2024
CSHB2304	KISVN	9 tháng	5	1,000	3,000,000	11,666	03/07/2024
CSHB2305	KISVN	12 tháng	5	1,000	3,000,000	12,555	03/10/2024
CSHB2306	KISVN	15 tháng	2	2,000	2,000,000	12,777	02/01/2025
CSTB2306	CK ACB	12 tháng	2	2,600	19,000,000	30,000	22/05/2024
CSTB2310	KISVN	10 tháng	5	1,200	8,000,000	30,333	28/02/2024
CSTB2312	KISVN	12 tháng	5	1,400	3,000,000	33,333	21/06/2024
CSTB2313	KISVN	16 tháng	5	1,500	3,000,000	35,555	20/09/2024
CSTB2314	KISVN	8 tháng	5	1,100	3,000,000	32,222	23/02/2024
CSTB2315	KISVN	9 tháng	5	1,100	3,000,000	34,333	22/03/2024
CSTB2316	KISVN	12 tháng	5	1,300	3,000,000	36,333	24/06/2024
CSTB2318	VND	11 tháng	4	2,000	6,000,000	32,000	15/05/2024
CSTB2319	VND	10 tháng	9	1,400	10,000,000	27,000	15/04/2024
CSTB2322	SSI	9 tháng	4	1,400	70,000,000	30,000	03/05/2024
CSTB2324	HCM	9 tháng	4	1,200	10,000,000	31,000	03/05/2024
CSTB2325	HCM	12 tháng	4	1,400	10,000,000	31,500	02/08/2024
CSTB2326	BSI	7 tháng	2	2,920	3,500,000	33,000	23/04/2024
CSTB2327	SSI	10 tháng	6	1,200	23,000,000	32,000	07/08/2024
CSTB2328	SSI	16 tháng	8	1,100	25,000,000	33,000	07/01/2025
CSTB2329	KISVN	4 tháng	4	1,000	8,000,000	31,888	01/02/2024
CSTB2330	KISVN	7 tháng	4	1,100	8,000,000	33,999	02/05/2024
CSTB2331	KISVN	9 tháng	5	1,100	4,000,000	34,999	03/07/2024
CSTB2333	KISVN	15 tháng	2	4,600	3,000,000	36,111	02/01/2025
CSTB2334	CK ACB	11 tháng	3	2,700	8,000,000	27,000	21/08/2024
CSTB2335	MBS	6 tháng	3	2,200	3,000,000	31,000	22/04/2024
CSTB2336	VND	6 tháng	5	2,000	5,000,000	31,000	17/05/2024
CSTB2337	VND	12 tháng	7	2,000	10,000,000	27,000	19/11/2024
CSTB2338	VPBankS	#N/A	3	2,100	#N/A	29,000	12/06/2024
CTCB2302	CK ACB	12 tháng	3	3,100	9,900,000	27,000	22/05/2024
CTCB2306	HCM	9 tháng	4	1,900	7,000,000	32,000	03/05/2024
CTCB2307	HCM	12 tháng	4	2,000	7,000,000	34,000	02/08/2024
CTCB2308	CK ACB	7 tháng	3	1,600	9,000,000	37,000	14/03/2024
CTCB2309	BSI	12 tháng	3	2,310	2,000,000	35,000	23/09/2024
CTCB2310	SSI	12 tháng	8	1,000	23,000,000	35,000	07/10/2024
CTCB2311	MBS	6 tháng	3	2,300	3,000,000	32,000	22/04/2024

CTCB2312	VPBankS	#N/A	3	2,500	#N/A	32,600	11/07/2024
CTPB2304	KISVN	7 tháng	4	1,000	2,500,000	18,888	02/05/2024
CTPB2305	KISVN	9 tháng	4	1,100	3,000,000	19,333	03/07/2024
CTPB2306	KISVN	12 tháng	2	2,500	2,000,000	19,888	03/10/2024
CVHM2302	CK ACB	12 tháng	4	3,800	8,000,000	50,000	22/05/2024
CVHM2305	KISVN	10 tháng	8	1,200	4,000,000	57,777	28/02/2024
CVHM2306	KISVN	8 tháng	8	1,100	2,000,000	60,666	23/02/2024
CVHM2307	KISVN	12 tháng	8	1,300	2,000,000	62,666	24/06/2024
CVHM2311	HCM	12 tháng	5	2,800	7,000,000	60,500	02/08/2024
CVHM2312	HCM	9 tháng	5	2,800	7,000,000	56,000	03/05/2024
CVHM2313	SSI	12 tháng	10	1,100	16,000,000	50,000	07/10/2024
CVHM2314	KISVN	4 tháng	8	1,000	3,000,000	48,888	01/02/2024
CVHM2315	KISVN	7 tháng	8	1,100	3,000,000	50,888	02/05/2024
CVHM2316	KISVN	9 tháng	8	1,300	3,000,000	51,234	03/07/2024
CVHM2317	KISVN	12 tháng	8	1,500	3,000,000	52,345	03/10/2024
CVHM2318	KISVN	15 tháng	5	2,800	3,000,000	53,456	02/01/2025
CVHM2319	MBS	6 tháng	5	1,600	2,000,000	52,000	22/04/2024
CVIB2302	CK ACB	12 tháng	1.6185	2,000	9,000,000	18,613	22/05/2024
CVIB2304	SSI	10 tháng	3.8879	1,100	20,000,000	19,439	07/08/2024
CVIB2305	SSI	16 tháng	5.8318	1,000	25,000,000	21,383	07/01/2025
CVIB2306	CK ACB	11 tháng	1.9439	2,400	7,000,000	16,523	21/08/2024
CVIB2307	VND	9 tháng	4	2,000	5,000,000	21,000	19/08/2024
CVIC2304	KISVN	9 tháng	8	1,200	3,000,000	59,888	22/03/2024
CVIC2305	KISVN	8 tháng	8	1,100	2,000,000	61,111	23/02/2024
CVIC2306	KISVN	12 tháng	8	1,300	2,000,000	62,222	24/06/2024
CVIC2308	SSI	10 tháng	10	1,100	16,000,000	50,000	07/08/2024
CVIC2309	SSI	12 tháng	10	1,100	15,000,000	52,000	07/10/2024
CVIC2310	KISVN	4 tháng	8	1,000	5,000,000	49,999	01/02/2024
CVIC2311	KISVN	5 tháng	8	1,100	5,000,000	51,999	29/02/2024
CVIC2312	KISVN	9 tháng	10	1,100	4,000,000	52,345	03/07/2024
CVIC2313	KISVN	12 tháng	10	1,300	4,000,000	53,456	04/10/2024
CVIC2314	KISVN	15 tháng	5	2,900	3,000,000	54,567	02/01/2025
CVNM2304	KISVN	10 tháng	9.6134	1,200	3,000,000	68,254	28/02/2024
CVNM2305	KISVN	8 tháng	9.6134	1,100	2,000,000	70,498	23/02/2024
CVNM2306	KISVN	12 tháng	9.6134	1,300	2,000,000	72,634	24/06/2024
CVNM2308	HCM	9 tháng	7.9412	1,800	5,000,000	68,493	03/05/2024
CVNM2309	VCI	6 tháng	4.9632	1,100	5,000,000	81,397	13/02/2024
CVNM2310	SSI	10 tháng	9.9265	1,700	14,000,000	79,412	07/08/2024
CVNM2311	SSI	16 tháng	9.9265	2,200	12,000,000	79,412	07/01/2025
CVNM2312	KISVN	4 tháng	9.9265	1,000	3,000,000	79,411	01/02/2024
CVNM2313	KISVN	7 tháng	9.9265	1,100	3,000,000	83,362	02/05/2024
CVNM2314	KISVN	12 tháng	7.9412	1,600	3,000,000	86,249	03/10/2024
CVNM2315	KISVN	15 tháng	3.9706	4,400	3,000,000	88,234	02/01/2025
CVNM2316	MBS	6 tháng	9.9265	1,700	3,000,000	64,522	22/04/2024
CVPB2305	VND	10 tháng	2.8595	2,900	10,000,000	17,157	15/04/2024
CVPB2309	SSI	9 tháng	3.8126	1,100	35,000,000	21,446	03/05/2024
CVPB2311	HCM	9 tháng	1.9063	2,500	7,000,000	19,540	03/05/2024
CVPB2312	HCM	12 tháng	1.9063	2,700	7,000,000	20,016	02/08/2024
CVPB2313	VCI	6 tháng	1.9063	1,300	5,000,000	23,257	13/02/2024
CVPB2314	SSI	10 tháng	3.8126	1,100	20,000,000	22,876	07/08/2024
CVPB2315	SSI	16 tháng	5.719	1,000	25,000,000	23,352	07/01/2025
CVPB2316	KISVN	7 tháng	4.7658	1,000	3,000,000	22,357	02/05/2024
CVPB2317	KISVN	9 tháng	3.8126	1,100	2,000,000	22,875	03/07/2024
CVPB2318	KISVN	12 tháng	3.8126	1,300	2,000,000	23,416	03/10/2024
CVPB2319	KISVN	15 tháng	1.9063	3,100	2,000,000	23,946	02/01/2025
CVPB2320	MBS	6 tháng	2.8595	1,500	3,000,000	20,970	22/04/2024
CVPB2321	VND	9 tháng	7	1,200	10,000,000	18,000	19/08/2024
CVPB2322	VND	10 tháng	4	2,000	5,000,000	20,000	19/09/2024
CVRE2303	CK ACB	12 tháng	3	2,500	3,900,000	25,000	22/05/2024
CVRE2306	KISVN	10 tháng	5	1,200	5,000,000	29,333	28/02/2024
CVRE2307	KISVN	8 tháng	5	1,100	2,000,000	30,333	23/02/2024
CVRE2308	KISVN	12 tháng	5	1,300	2,000,000	31,333	24/06/2024
CVRE2313	HCM	12 tháng	4	1,600	5,000,000	29,500	02/08/2024
CVRE2314	VCI	6 tháng	3	1,050	5,000,000	34,100	13/02/2024
CVRE2315	SSI	12 tháng	8	1,000	25,000,000	30,000	07/10/2024
CVRE2316	KISVN	4 tháng	4	1,000	3,000,000	28,999	01/02/2024



CVRE2317	KISVN	7 tháng	4	1,100	3,000,000	29,999	02/05/2024
CVRE2318	KISVN	9 tháng	4	1,300	3,000,000	30,999	03/07/2024
CVRE2319	KISVN	12 tháng	4	1,600	3,000,000	31,777	03/10/2024
CVRE2320	KISVN	15 tháng	2	3,500	3,000,000	32,333	02/01/2025
CVRE2321	MBS	6 tháng	4	1,200	2,000,000	29,000	22/04/2024
CVRE2322	VND	8 tháng	3	3,000	5,000,000	24,000	18/07/2024
CVRE2323	VPBankS	#N/A	3	1,900	#N/A	24,800	12/06/2024

Nguồn: FiinPro, YSVN

## THÔNG TIN LIÊN HỆ

---

### Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

+84 28 3622 6868 ext 3826

research.re@yuanta.com.vn

## Appendix A: Important Disclosures

---

### Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

### Ratings Definitions

**BUY:** We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

**HOLD-Outperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**HOLD-Underperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**SELL:** We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

**Under Review:** We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

**Restricted:** The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 months Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

### Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written.